

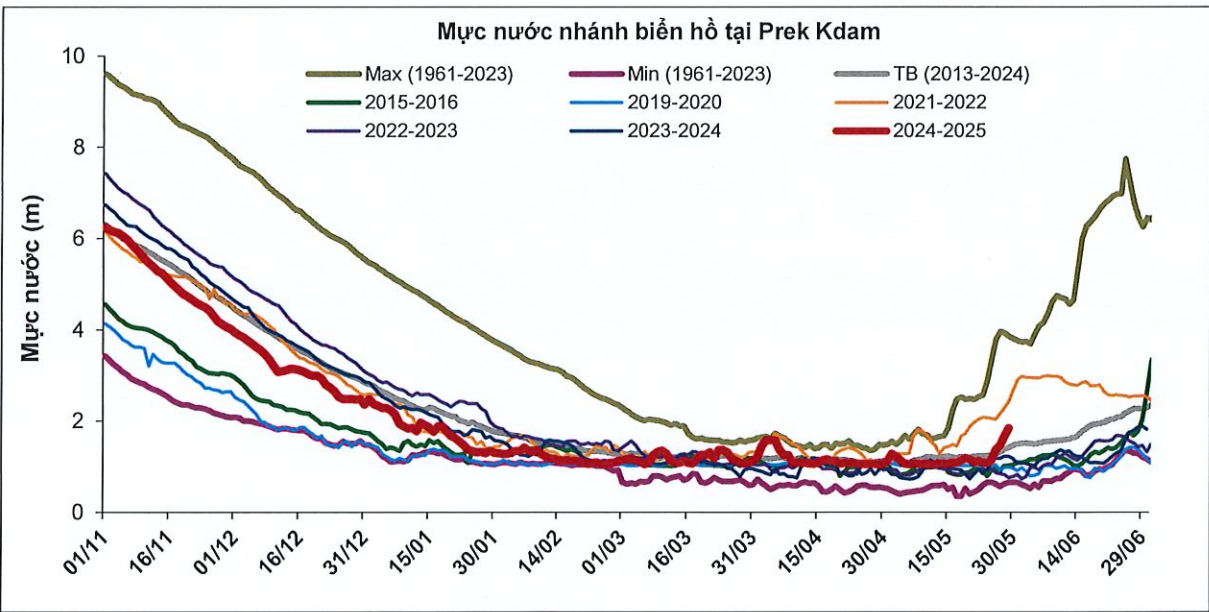
BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
MÙA KIẾT NĂM 2024-2025
(Tuần từ 30/5/2025 – 05/6/2025)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ Tonle Sap và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1) cập nhật từ mạng quan trắc của Ủy hội sông Mê Công, ngày 29/5 ở cao trình 1,84m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 29/5/2025

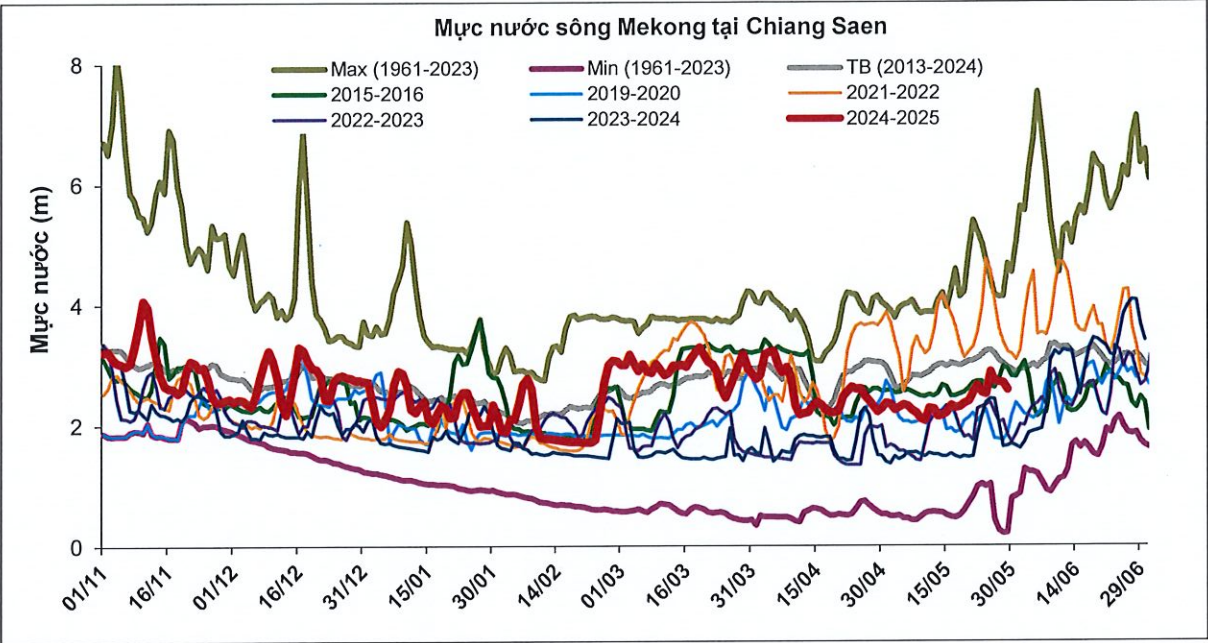
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: Mực nước* hiện tại các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

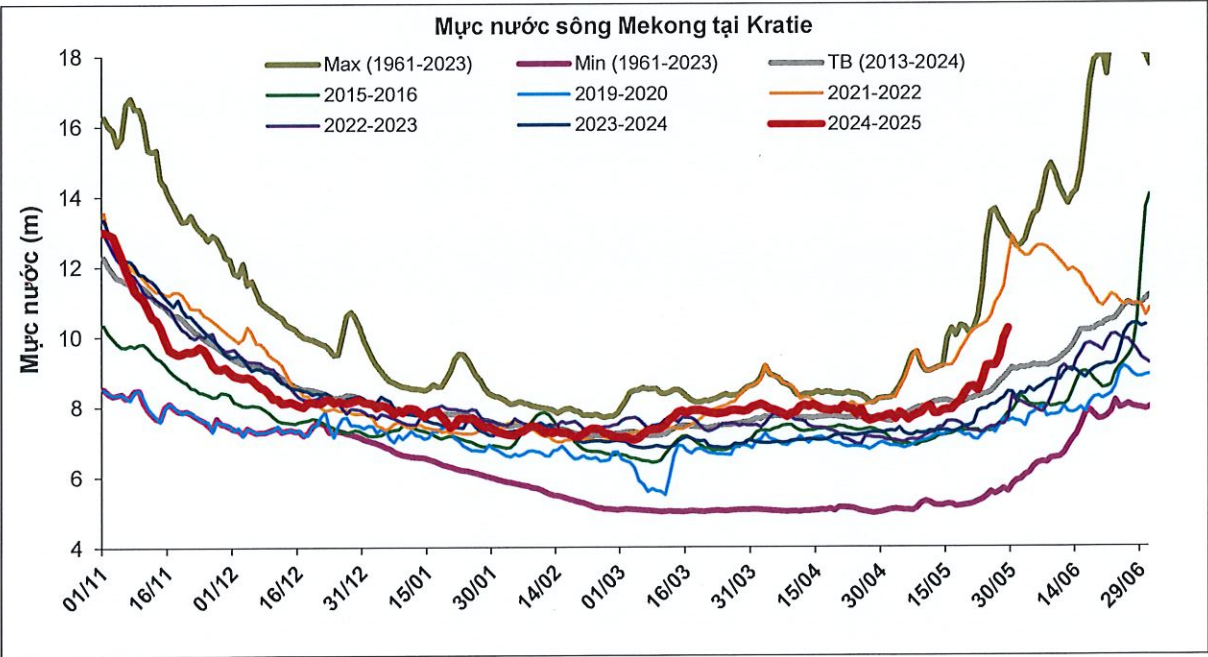
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 29/5/2025	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m³) so với một số năm cùng thời điểm					
			TB (2013-2024)	2023-2024	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2015-2016
Chiang Saen*	m	2,58	-0,37	+0,93	+0,76	-0,63	+0,73	-0,35
Kratie*	m	10,20	+1,27	+1,80	+2,55	-1,98	+2,64	+2,40
Prekdam*	m	1,84	+0,41	+0,62	+1,08	-0,59	+0,86	+0,82
Dung tích hồ	Tỷ m³	1,08	-0,65	-0,12	+0,01	-2,00	-0,09	-0,07

Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối;
(-) là thấp hơn;

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước từ nguồn Ủy hội sông Mê Công đến ngày 29/5/2025 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Bảng 2: Mực nước lớn nhất hiện tại một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 29/5/2025	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Tân Châu	1,56	+0,40	+0,45	+0,55	+0,15	+0,64	+0,60
Châu Đốc	1,69	+0,39	+0,37	+0,53	+0,20	+0,59	+0,63
Mỹ Thuận	1,43	+0,39	+1,43	+0,44	+0,39	+0,56	+0,57
Cần Thơ	1,55	+0,41	+1,55	+0,46	+0,36	+0,57	+0,62

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công vào mùa kiệt phụ thuộc vào lưu lượng điều tiết từ thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến ngày 29/5/2025, mực nước tại trạm Kratie hiện ở mức 10,2m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện cao hơn khoảng 1,27m so với TBNN; khoảng 1,8m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 2,55m so với mùa khô 2022-2023; khoảng 2,64m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 2,4m so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 1,98m so với mùa khô 2021-2022.

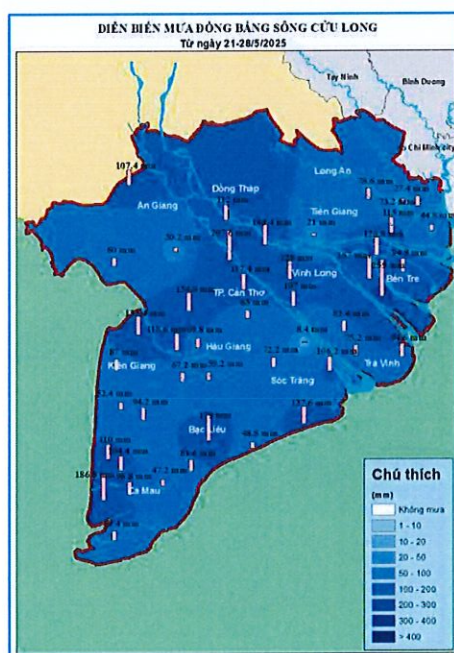
- Tại Biển Hồ: Hồ Tonle Sap hiện đang trong giai đoạn tích-xả nước, dung tích hiện tại còn khoảng 1,08 tỷ m³. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện cao hơn khoảng 0,01 tỷ m³ so với mùa khô 2022-2023, tuy nhiên thấp hơn khoảng 0,65 tỷ m³ so với TBNN; khoảng 0,12 tỷ m³ so với mùa khô 2023-2024; khoảng 2,0 tỷ m³ so với mùa khô 2021-2022; khoảng 0,09 tỷ m³ so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,07 tỷ m³ so với mùa khô 2015-2016.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước lớn nhất tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 29/5/2025 lần lượt là 1,56 m và 1,69 m. Dự báo chi tiết diễn biến mực nước lớn nhất trên Đồng bằng xem Phụ lục 2.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 21-28/5/2025, theo như dự báo, ĐBSCL xuất hiện mưa trên hầu khắp ĐBSCL từ 60-90mm, có nơi hơn 200mm (Hình 4). Dự báo tuần tới sẽ tiếp tục có mưa xuất hiện trên diện rộng với vũ lượng từ 50-80mm trên Đồng bằng.



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên Đồng bằng (từ ngày 21-28/5/2025)

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19/5/2025 của IRI/CPC, ENSO trung tính tiếp tục duy trì ở mức cao (92%) trong giai đoạn tháng 5 - tháng 7/2025, điều kiện ENSO

trung tính dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong giai đoạn tháng 8 – tháng 10 với hơn 50% khả năng, giai đoạn tiếp theo đến tháng 1 - tháng 3/2026 ENSO giảm xuống còn 40%. Khả năng xảy ra El Niño và La Nina rất thấp trong suốt thời gian dự báo.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 23/5/2025 - 29/5/2025 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 639 m³/s đến 1.117 m³/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 12,39 tỷ m³, tương đương với 52,1% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 24,9% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công ở hiện tại vào khoảng 22,79 tỷ m³. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng tới ở mùa kiệt 2024-2025 tại Bảng 3.

Bảng 3: Lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2024-2025

Tháng	Qkratie (m³/s)	So với một số năm					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.04/2025	4.191	+285	+1.161	+771	-673	+1.325	+783
Dự báo Th.05/2025	4.606	-101	+868	+1.206	-3.116	+1.467	+1.364
Dự báo Th.06/2025	6.206	-1.732	-168	-144	-5.164	+1.512	+209

Trong tuần qua (từ 23/5-29/5/2025) mưa xuất hiện nhiều nơi trên đồng bằng làm xâm nhập mặn giảm so với dự báo, mặn có hàm lượng 4g/l vào sâu nhất trên dưới 20-25km trên các cửa sông. Dự báo xâm nhập mặn trong tuần từ 30/5 đến 5/6, mặn có xu thế giảm đến cuối tuần dự báo, mặn 4g/l dự báo cách cửa sông trên dưới 20-23km. Đề phòng mặn tăng cao hơn do gió mùa đến các vùng cửa sông, cần kiểm tra kỹ chất lượng nước trước khi lấy.

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Mặn trong khả năng bảo vệ an toàn bởi các công trình thủy lợi.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang). Để đảm bảo an toàn cho sản xuất cần tiếp tục giám sát mặn, kiểm tra chất lượng nước trước khi lấy, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để chủ động tích nước (khi cần).

Trong tuần dự báo từ 30/5/2025 đến 5/6/2025, mặn có xu thế giảm đến cuối tuần dự báo, ranh mặn 4g/l sâu nhất trên các cửa sông Cửu Long trên dưới 20km-23km. Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, tranh thủ lấy nước phục vụ sản xuất vụ hè thu và giám sát chặt chẽ chất lượng nước trước khi lấy.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2024-2025

Tiềm năng nguồn nước lưu vực sông Mê Công về đồng bằng thuộc nhóm năm dưới trung bình nước, tuy nhiên do điều tiết của thủy điện dòng chảy tháng 5 ở mức xấp xỉ hoặc trên trung bình. Xâm nhập mặn mùa kiệt 2024-2025 tháng 5 ở mức dưới trung bình nhiều năm. Diện tích xuống giống vụ Hè Thu đã đạt 1.224,9 ngàn ha, tương đương khoảng 83,3% diện tích so với kế hoạch, các vùng ngọt đã cơ bản hoàn thành xuống giống vụ hè thu, mở rộng ra các vùng ven biển. Để đảm bảo an toàn cho sản xuất cần:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đủ, khó khăn chủ yếu ở vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn, cần thực hiện các biện pháp trữ nước và tưới tiết kiệm nước.
- Vùng giữa ĐBSCL: vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích nước mỗi khi có thể, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả.
- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn bất thường có thể làm ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển như Gò Công, Bắc Bến Tre, vùng ven biển Trà Vinh. Do vậy, cần cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn trước khi lấy và tưới nước cho cây trồng.

Tích nước ở các thủy điện trên lưu vực Mê Công hiện cao hơn so với cùng thời kỳ ở các năm 2023 và 2024 lần lượt là 10,23 và 3,58 tỷ m³. Vận hành hợp lý các hồ này sẽ tạo thuận lợi cho sản xuất trên đồng bằng. Hiện việc xả nước ở các thủy điện Trung Quốc xuống hạ lưu ở mức trên dưới 1.000 m³/s. Mưa đã bắt đầu trong tháng 5 và đã có mưa trên diện rộng và dự báo mưa tiếp tục ở mức trên trung bình trong tháng 6, xâm nhập mặn giảm, nằm trong tầm kiểm soát bởi các hệ thống công trình thủy lợi.

Các thông tin về nguồn nước sẽ liên tục được cập nhật hàng tuần giúp các địa phương chủ động tăng cường các biện pháp trữ nước khi cần để đảm bảo an toàn cho sản xuất.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2024-2025 thuộc nhóm năm có tần suất xuất hiện vào khoảng 60-75%, xâm nhập mặn ở mức cao hơn trung bình. Thực tế xả nước ở các thủy điện trên lưu vực nói chung và các thủy điện thuộc Trung Quốc nói riêng đã làm gia tăng lưu lượng xuống hạ lưu và làm xâm nhập mặn bớt căng thẳng. Xâm nhập mặn được kiểm soát và bảo vệ an toàn bởi của các hệ thống thủy lợi, tích trữ nước hợp lý sẽ đảm bảo nguồn nước cho sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch hàng năm của các địa phương.

Ngày 17/02/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ra Công điện số 15/CD-TTg về việc chủ động ứng phó đợt xâm nhập mặn cao điểm ở ĐBSCL, vì vậy các địa phương chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm, theo dõi cập nhật

các bản tin để chủ động tích trữ nước phục vụ dân sinh và đảm bảo an toàn cho sản xuất.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM
VIỆN TRƯỞNG *leam*

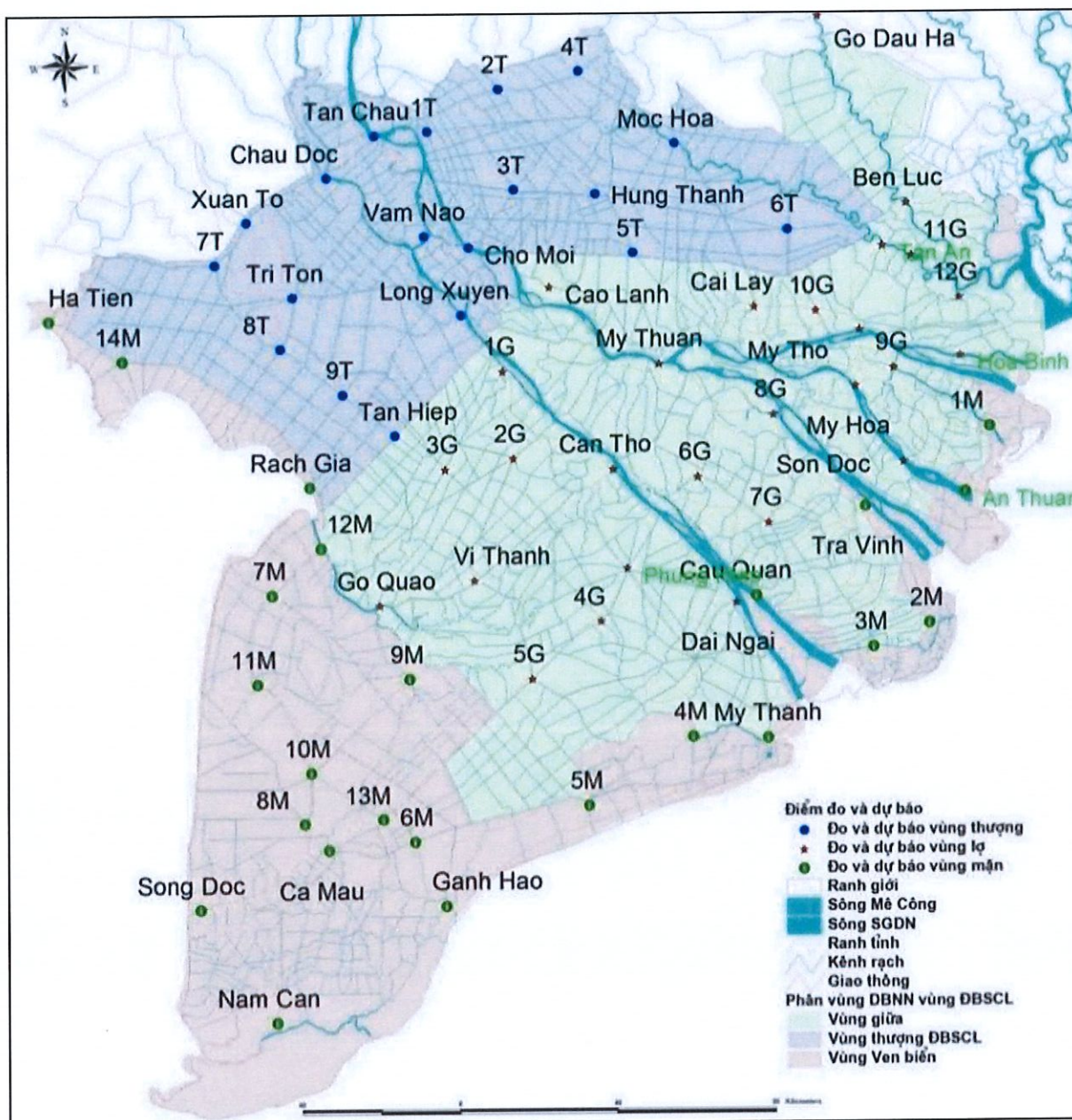


Trần Bá Hoàng

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Sơ họa vị trí các điểm dự báo nguồn nước vùng đồng bằng Sông Cửu Long



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	05/06
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	1,42	1,40	1,33	1,31	1,30	1,27	1,21	1,18
2	2T	0,95	0,99	1,01	1,01	0,98	0,91	0,83	0,75
3	3T	1,03	1,04	1,05	1,03	0,97	0,86	0,76	0,68
4	4T	0,63	0,66	0,68	0,68	0,66	0,61	0,54	0,45
5	5T	0,95	0,96	0,94	0,91	0,88	0,79	0,67	0,62
6	6T	0,63	0,63	0,62	0,58	0,55	0,46	0,37	0,31
7	7T	0,32	0,33	0,34	0,33	0,32	0,28	0,23	0,18
8	8T	0,36	0,37	0,38	0,36	0,34	0,29	0,22	0,16
9	9T	0,37	0,39	0,39	0,38	0,35	0,30	0,21	0,13

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	05/06
10	Châu Đốc	1,69	1,66	1,58	1,57	1,56	1,54	1,50	1,48
11	Chợ Mới	1,40	1,37	1,27	1,22	1,21	1,18	1,15	1,11
12	Hưng Thạnh	0,69	0,70	0,72	0,70	0,66	0,57	0,47	0,39
13	Long Xuyên	1,71	1,68	1,59	1,46	1,40	1,38	1,35	1,34
14	Mộc hóa	0,56	0,57	0,57	0,53	0,51	0,43	0,32	0,26
15	Tân Châu	1,56	1,53	1,46	1,45	1,44	1,42	1,39	1,35
16	Tân Hiệp	0,57	0,57	0,58	0,57	0,55	0,50	0,42	0,33
17	Tri Tôn	0,64	0,66	0,67	0,65	0,62	0,57	0,50	0,42
18	Vàm Nao	1,64	1,61	1,53	1,47	1,46	1,45	1,40	1,38
19	Xuân Tô	0,55	0,57	0,57	0,56	0,53	0,47	0,41	0,36
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,62	1,58	1,50	1,36	1,27	1,25	1,22	1,20
2	2G	0,92	0,93	0,93	0,91	0,85	0,82	0,77	0,75
3	3G	0,56	0,57	0,58	0,57	0,57	0,53	0,45	0,36
4	4G	1,14	1,11	1,07	1,01	0,91	0,86	0,83	0,81
5	5G	0,73	0,73	0,73	0,73	0,72	0,70	0,66	0,58
6	6G	1,43	1,37	1,23	1,13	1,09	1,06	1,03	1,02
7	7G	0,90	0,88	0,84	0,81	0,76	0,73	0,72	0,68
8	8G	1,35	1,29	1,17	1,14	1,11	1,08	1,05	1,01
9	9G	1,39	1,36	1,28	1,11	1,05	0,99	0,93	0,89
10	10G	1,00	0,96	0,89	0,85	0,82	0,80	0,77	0,76
11	11G	0,95	0,90	0,80	0,75	0,72	0,68	0,65	0,63
12	12G	1,15	1,06	1,00	0,93	0,89	0,86	0,84	0,80
13	Bến Lức	1,36	1,32	1,23	1,08	1,00	0,97	0,94	0,93
14	Cai Lậy	1,20	1,17	1,09	1,06	1,03	1,01	0,98	0,95
15	Cần Thơ	1,55	1,49	1,37	1,22	1,19	1,16	1,14	1,11
16	Cao Lãnh	1,42	1,40	1,32	1,22	1,20	1,15	1,11	1,06
17	Đại Ngãi	1,63	1,48	1,41	1,36	1,31	1,26	1,22	1,18
18	Gò Dầu Hạ	0,76	0,76	0,71	0,59	0,48	0,42	0,36	0,33
19	Gò Quao	0,71	0,72	0,71	0,69	0,66	0,65	0,60	0,52
20	Hòa Bình	1,13	1,06	1,01	0,95	0,90	0,88	0,86	0,81
21	Mỹ Hoà	1,32	1,25	1,15	1,12	1,09	1,07	1,04	1,00
22	Mỹ Tho	1,32	1,25	1,18	1,12	1,07	1,03	0,99	0,97
23	Mỹ Thuận	1,43	1,36	1,23	1,18	1,15	1,13	1,10	1,06
24	Phụng Hiệp	1,36	1,31	1,19	1,03	1,00	0,98	0,97	0,94
25	Sơn Đốc	1,12	1,07	0,99	0,94	0,90	0,86	0,85	0,83
26	Tân An	1,39	1,32	1,24	1,17	1,14	1,11	1,08	1,05
27	Vị Thanh	0,74	0,75	0,74	0,74	0,72	0,67	0,59	0,51
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,25	1,20	1,14	1,08	1,02	0,99	0,97	0,93
2	2M	1,46	1,36	1,29	1,23	1,18	1,15	1,12	1,09
3	3M	1,57	1,45	1,37	1,31	1,25	1,20	1,17	1,15
4	4M	1,61	1,47	1,38	1,30	1,24	1,22	1,20	1,16

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	05/06
5	5M	1,70	1,61	1,45	1,39	1,36	1,34	1,31	1,27
6	6M	1,42	1,40	1,29	1,15	0,94	0,91	0,92	0,90
7	7M	0,48	0,47	0,46	0,44	0,39	0,36	0,32	0,25
8	8M	0,73	0,73	0,71	0,71	0,70	0,66	0,61	0,55
9	9M	0,74	0,74	0,74	0,74	0,73	0,70	0,66	0,58
10	10M	0,59	0,59	0,58	0,58	0,56	0,54	0,49	0,44
11	11M	0,56	0,56	0,55	0,54	0,53	0,51	0,46	0,39
12	12M	0,85	0,81	0,75	0,65	0,54	0,39	0,32	0,35
13	13M	0,68	0,69	0,69	0,69	0,68	0,67	0,65	0,58
14	14M	0,27	0,27	0,27	0,26	0,24	0,23	0,19	0,14
15	An Thuận	1,31	1,23	1,17	1,12	1,07	1,04	1,03	0,99
16	Cà Mau	0,94	0,95	0,92	0,88	0,86	0,80	0,68	0,63
17	Cầu Quan	1,72	1,61	1,45	1,39	1,33	1,30	1,28	1,26
18	Gành Hào	2,04	1,97	1,82	1,63	1,59	1,59	1,59	1,58
19	Hà Tiên	0,32	0,33	0,33	0,32	0,28	0,22	0,19	0,16
20	Mỹ Thanh	1,57	1,44	1,34	1,28	1,21	1,17	1,14	1,13
21	Năm Căn	1,70	1,60	1,49	1,31	1,15	1,17	1,20	1,24
22	Rạch Giá	0,32	0,33	0,33	0,32	0,28	0,22	0,20	0,16
23	Sông Đốc	0,91	0,90	0,86	0,80	0,73	0,62	0,56	0,59
24	Trà Vinh	1,56	1,45	1,39	1,34	1,31	1,29	1,25	1,21

Ghi chú:

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo độ mặn lớn nhất trong tuần một số trạm cửa sông chính trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	05/06
1	Vàm Giồng	< 5,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 4,0
2	Trà Vinh	< 4,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 3,0
3	Mỹ Hóa	< 1,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 0,5
4	Cầu Quan	< 4,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 3,0
5	Gò Quao	< 6,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 4,5
6	Đại Ngãi	< 3,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 2,0

Ghi chú:

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
- ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh ‘a’ trước khi giảm ở các ngày sau
- ↓ Mặn đang xu thế giảm
- ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân ‘b’ trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
- Mặn ít biến động hoặc khó lường so với ngày trước đó